

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm
Trường Đại học Cửu Long

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép thành lập Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn trực thuộc Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 4388/QĐ-BGDĐT ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cấp phép hoạt động kiểm định chất lượng giáo dục đối với Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quy định hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 20/QĐ-KĐCLGDSG ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 32/QĐ-KĐCLGDSG ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc thành lập và kiện toàn Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-KĐCLGDSG ngày 23 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn về việc tổ chức Phiên họp Lần thứ I của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Hồ sơ Tự đánh giá Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm; Báo cáo Đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài, kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Dự thảo Nghị quyết tại phiên họp Lần thứ I ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đoàn Đánh giá ngoài Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm của Trường Đại học Cửu Long đã thực hiện công tác đánh giá chất lượng giáo dục đúng quy định, đúng quy trình, đảm bảo tính độc lập, khách quan, công khai và minh bạch. Hội đồng đã thẩm định và thống nhất kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo như sau:



Số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu” là 43 tiêu chí (trong tổng số 50 tiêu chí), chiếm tỷ lệ 86%, trong đó, mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí được đánh giá “đạt yêu cầu”

Điểm trung bình của các tiêu chí là: 3.90 (Chi tiết trong Phụ lục 1).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Cửu Long thực hiện các giải pháp đảm bảo và cải tiến chất lượng giáo dục cho giai đoạn 05 năm đánh giá tiếp theo (từ năm 2022 đến năm 2026) (Chi tiết trong Phụ lục 2).

Điều 3. Căn cứ Điều 23 Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục công nhận Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm Trường Đại học Cửu Long đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục và đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn ban hành Quyết định và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm Trường Đại học Cửu Long./.

Nơi nhận:

- Trường ĐHCL (để thực hiện);
- Phòng ĐG&CNCLGD (để giám sát);
- Lưu: VT.



**TM. HỘI ĐỒNG KĐCLGD
CHỦ TỊCH**

TS. NGUYỄN KIM DUNG



Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM
CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG**

(Kèm theo Nghị quyết số **01** /NQ-HĐKĐCLGD ngày **13** /6/2022
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD Sài Gòn)

| Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | | Tiêu chuẩn, tiêu chí | Đánh giá tiêu chí | Tổng hợp theo tiêu chuẩn | | |
|-------------------------|----------------------------|-----------------------------|--------------------------|---------------------------------|-------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------------------------|---------------------------------|
| | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) | | | Mức trung bình | Số tiêu chí đạt | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) |
| Tiêu chuẩn 1 | | | | | Tiêu chuẩn 7 | | | | |
| Tiêu chí 1.1 | 4 | 3,67 | 2 | 66,67 | Tiêu chí 7.1 | 4 | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 1.2 | 3 | | | | Tiêu chí 7.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 1.3 | 4 | | | | Tiêu chí 7.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 2 | | | | Tiêu chí 7.4 | 4 | | | | |
| Tiêu chí 2.1 | 4 | 3,67 | 2 | 66,67 | Tiêu chí 7.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 2.2 | 3 | | | | Tiêu chuẩn 8 | | | | |
| Tiêu chí 2.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.1 | 4 | 4,20 | 5 | 100 |
| Tiêu chuẩn 3 | | | | | Tiêu chí 8.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.1 | 4 | 3,67 | 2 | 66,67 | Tiêu chí 8.3 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.2 | 3 | | | | Tiêu chí 8.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 3.3 | 4 | | | | Tiêu chí 8.5 | 5 | | | |
| Tiêu chuẩn 4 | | | | | Tiêu chuẩn 9 | | | | |
| Tiêu chí 4.1 | 4 | 4,00 | 3 | 100 | Tiêu chí 9.1 | 4 | 3,80 | 4 | 80,00 |
| Tiêu chí 4.2 | 4 | | | | Tiêu chí 9.2 | 3 | | | |
| Tiêu chí 4.3 | 4 | | | | Tiêu chí 9.3 | 4 | | | |
| Tiêu chuẩn 5 | | | | | Tiêu chí 9.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.1 | 3 | 3,60 | 3 | 60,00 | Tiêu chí 9.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.2 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 10 | | | | |
| Tiêu chí 5.3 | 3 | | | | Tiêu chí 10.1 | 4 | 3,83 | 5 | 83,33 |
| Tiêu chí 5.4 | 4 | | | | Tiêu chí 10.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 5.5 | 4 | | | | Tiêu chí 10.3 | 3 | | | |
| Tiêu chuẩn 6 | | | | | Tiêu chí 10.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.1 | 4 | 4,14 | 7 | 100 | Tiêu chí 10.5 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.2 | 4 | | | | Tiêu chí 10.6 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.3 | 4 | | | | Tiêu chuẩn 11 | | | | |
| Tiêu chí 6.4 | 4 | | | | Tiêu chí 11.1 | 4 | 4,00 | 5 | 100 |
| Tiêu chí 6.5 | 4 | | | | Tiêu chí 11.2 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.6 | 4 | | | | Tiêu chí 11.3 | 4 | | | |
| | | | | | Tiêu chí 11.4 | 4 | | | |
| Tiêu chí 6.7 | 5 | Tiêu chí 11.5 | 4 | | | | | | |
| Mức trung bình | | | | | Số tiêu chí đạt | | Tỉ lệ số tiêu chí đạt (%) | | |
| 3.90 | | | | | 43 | | 86 | | |



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI THIỆN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỬU LONG

(Kèm theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐKĐCCLGD ngày 13/6/2022 của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Chương trình đào tạo chính quy trình độ đại học ngành Công nghệ thực phẩm của Trường Đại học Cửu Long đã được Nhà trường tự đánh giá và được Đoàn chuyên gia Đánh giá ngoài đánh giá chất lượng. Kết quả đánh giá cho thấy:

I. Những điểm mạnh nổi bật của chương trình đào tạo

Mục tiêu của Chương trình đào tạo được xác định rõ ràng, phù hợp với Sứ mạng và Tầm nhìn của Trường, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học. Bản mô tả chương trình đào tạo có các mục nội dung theo quy định, được cập nhật; đề cương học phần đầy đủ thông tin và công bố công khai trên trang thông tin điện tử. Chương trình dạy học được thiết kế dựa trên các yêu cầu của chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Tất cả các đề cương học phần nêu rõ việc sử dụng các Phương pháp giảng dạy và học tập để rèn luyện các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp thiết yếu, có yêu cầu người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Các quy chế, quy định về kiểm tra, đánh giá, cơ chế phản hồi của người học được thông báo công khai đến người học qua nhiều hình thức khác nhau. Đội ngũ giảng viên đáp ứng tốt nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các văn bản quy định và triển khai về các tiêu chí tuyển dụng giảng viên, được công bố công khai. Đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên hỗ trợ chương trình đào tạo có trình độ chuyên môn phù hợp, năng lực công tác được giám sát và đánh giá. Các quy định, quy chế về chế độ làm việc, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác theo sản phẩm đầu ra được xây dựng, ban hành rộng rãi và được cập nhật. Chính sách, quy định tuyển sinh và tiêu chí, phương pháp tuyển chọn người học được xác định rõ ràng. Người học được đảm bảo các điều kiện cơ bản trong quá trình học tập, được hỗ trợ và tư vấn kịp thời. Trường có khuôn viên rộng rãi, có cảnh quan sư phạm sạch đẹp, hiện đại, đảm bảo vệ sinh, an toàn tạo sự thuận lợi cho tất cả đối tượng trong toàn trường làm việc, giảng dạy và học tập; hệ thống phòng làm việc, phòng chức năng có đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu. Tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp đạt ở mức cao. Trường và Khoa định kỳ thống kê, phân tích và đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ học tập, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học; kết quả khảo sát và đối sánh được sử dụng làm căn cứ để xây dựng giải pháp cải tiến chất lượng.

II. Những điểm cần cải thiện, bổ sung, điều chỉnh của Trường/Khoa; Kiến nghị của Hội đồng về việc đề nghị Trường/Khoa khắc phục những tồn tại và tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục chương trình đào tạo

1. Cần thực hiện khảo sát nhu cầu của thị trường lao động để kịp thời điều chỉnh mục tiêu của chương trình đào tạo. Thiết kế mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cần có tính hệ thống và các chủ đề chuẩn đầu ra cần có cấu trúc rõ ràng. Trên trang thông tin điện tử của Khoa/Trường cần có riêng mục chuẩn đầu ra để các bên liên quan dễ tiếp cận.

2. Cần hoàn thiện ma trận các học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, sắp xếp các học phần theo trình tự học kỳ, phân nhiệm chuẩn đầu ra cho các học phần với mức độ năng lực theo thang Bloom/tương đương với tiến trình hợp lý phát triển năng lực cho người học. Hoàn thiện các đề cương chi tiết học phần để đảm bảo mục tiêu học phần được xác định từ sự phân nhiệm các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo cho học phần; các chuẩn đầu ra của học phần được cụ thể hóa từ mục tiêu của học phần.

3. Cần thiết kế các đề cương chi tiết học phần đảm bảo có mục tiêu gắn kết với các chuẩn đầu ra liên quan của chương trình đào tạo, có chuẩn đầu ra được cụ thể hóa từ mục tiêu. Xây dựng tài liệu hướng dẫn lựa chọn/thiết kế phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp với thể loại chủ đề chuẩn đầu ra và mức độ năng lực cần đạt. Ban hành quy định về chuẩn học phần đạt chuẩn đầu ra. Định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về mức độ đạt chuẩn đầu ra của học phần.

4. Cần có giải pháp thúc đẩy thông tin, truyền thông quảng bá về tài liệu giảng dạy đến đầy đủ sinh viên và cựu sinh viên. Ban hành văn bản hướng dẫn việc lồng ghép giá trị giáo dục vào nội dung chương trình đào tạo trong quá trình thiết kế, cập nhật chương trình đào tạo. Hoạt động học tập theo học phần cần được mô tả cụ thể đối với từng nội dung giảng dạy và tương ứng với chuẩn đầu ra cần đạt.

5. Cần xây dựng và ban hành tài liệu hướng dẫn thiết kế rubrics kiểm tra đánh giá có tiêu chí và thang đánh giá phù hợp với thể loại chủ đề chuẩn đầu ra và miền đánh giá năng lực cần đạt. Thiết kế các đề cương chi tiết học phần có rubrics đánh giá bao gồm tiêu chí và thang đánh giá gắn với chuẩn đầu ra cụ thể của học phần. Cần thực hiện đánh giá hiệu quả các tổ hợp phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong chương trình đào tạo; đánh giá độ tin cậy và độ giá trị, mức độ khó, dễ của các câu hỏi thi/đề thi. Thực hiện phân tích đối sánh kết quả thi của mỗi học phần giữa các năm học và đối sánh để đánh giá sự tương quan giữa điểm bộ phận với điểm thi-kết thúc học phần.

6. Cần có sự kết nối liên kết chặt chẽ quy trình xây dựng chiến lược nhân sự cấp Trường và cấp Khoa; có sự đối sánh về kết quả thực hiện kế hoạch nhân sự và phân tích nguyên nhân những năm chưa đạt được chỉ tiêu theo kế hoạch đặt ra. Bộ tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên cần được cập nhật đầy đủ các tiêu chí liên quan theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo như năng lực xây dựng, thiết kế và thực hiện chương trình dạy học; năng lực lựa chọn và áp dụng các phương pháp giáo dục, phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra. Cần sử dụng kết quả lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên làm tiêu chí đánh giá năng lực giảng viên.

7. Cần đổi mới phương pháp và hoàn thiện nội dung khảo sát ý kiến; phân tích đánh giá nhu cầu đào tạo bồi dưỡng đối với đội ngũ nhân viên cụ thể để xây dựng kế hoạch, nội dung đào tạo, bồi dưỡng nhân viên hiệu quả hơn.

8. Cần thực hiện việc cập nhật, điều chỉnh chính sách tuyển sinh có sự góp ý của các bên liên quan ngoài Trường như các nhà tuyển dụng, hiệp hội nghề nghiệp; và có sự phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực cụ thể đối với các ngành tuyển sinh. Tiếp tục phân tích, rà soát tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học; thực hiện việc đánh giá kết quả tuyển sinh, xác định nguyên nhân để điều chỉnh tiêu chí nhằm tăng số lượng thí sinh nhập học. Cần định kỳ rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa và các dịch vụ hỗ trợ người học.



9. Cần tăng cường đầu tư trang thiết bị mạng để đồng bộ hệ thống công nghệ thông tin của Trường, trang bị phần mềm chuyên dùng quản lý thư viện. Cần bổ sung đầy đủ giáo trình yêu cầu của chương trình đào tạo và tăng cường bổ sung các tựa sách ngoại văn chuyên ngành để đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu. Xem xét bổ sung/cải thiện các lối đi lại tại tất cả các tòa nhà nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của người khuyết tật.

10. Cần rà soát tổng thể các khảo sát trong toàn Trường; cải tiến nội dung lấy ý kiến; sử dụng công cụ công nghệ thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu chung để liên thông việc thu thập và sử dụng thông tin phản hồi của các bên liên quan. Hoàn thiện các quy định, hướng dẫn rà soát, đánh giá việc sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá, để đảm bảo sự phù hợp với chuẩn đầu ra cụ thể của học phần; hoàn thiện các biểu mẫu thiết kế chương trình dạy học, đề cương học phần và xây dựng hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá.

11. Cần định kỳ thực hiện đối sánh kết quả đầu ra với các trường đại học khác; đánh giá về hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ người học nhằm giảm tỷ lệ thôi học, rút ngắn thời gian tốt nghiệp. Có chính sách đồng bộ trong việc đa dạng hóa các hoạt động nghiên cứu khoa học, khuyến khích người học tham gia nghiên cứu khoa học, với việc công nhận và khen thưởng phù hợp. Có cơ chế giám sát việc triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng tại các đơn vị dựa trên kết quả khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan.

Hội đồng đề nghị Trường và Khoa duy trì và phát triển các điều kiện đảm bảo chất lượng đã có, đồng thời thực hiện các khuyến nghị đã nêu của Hội đồng về việc khắc phục những tồn tại. Trong vòng 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Kiểm định chất lượng chương trình đào tạo, Trường cần xây dựng và triển khai kế hoạch hành động cụ thể. Sau 30 tháng kể từ ngày được công nhận đạt chuẩn chất lượng chương trình đào tạo, Trường gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ về kết quả thực hiện cải thiện chất lượng đến Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cơ quan chủ quản và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Sài Gòn theo quy định./.

